

**Một số biện pháp quản lý đào tạo theo giáo
trình mới ở khoa Tự nhiên trường CĐSP Bà
Rịa -Vũng Tàu**

Lê Thị Xuân Mai

LỜI CẢM ƠN

Luận văn này được hoàn thành với sự giúp đỡ, hỗ trợ của trường ĐHSP Thành phố Hồ Chí Minh và các đồng nghiệp.

Tôi rất cảm ơn TS. Huỳnh Văn Sơn, Khoa Tâm lý - Giáo dục, trường ĐHSP Thành phố Hồ Chí Minh đã hướng dẫn tận tình trong quá trình hoàn thành luận văn.

Tôi chân thành cảm ơn các đơn vị và cá nhân:

- Ban điều hành Dự án Đào tạo giáo viên THCS, Bộ GD – ĐT (Dự án LOAN No.1718 – VIE);
- Các giảng viên tham gia khóa đào tạo cao học QLGD khóa 15 - Trường ĐHSP Thành phố Hồ Chí Minh;
- Tập thể cán bộ, GV khoa Tâm lý – Giáo dục, Phòng Quản lý khoa học & Sau đại học, trường ĐHSP Thành phố Hồ Chí Minh;
- Ban giám hiệu, cán bộ quản lý nhà trường, giảng viên và sinh viên khoa Tự nhiên, trường CĐSP Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Các tác giả, các đồng nghiệp gần xa,

Đã quan tâm, giúp đỡ, tạo điều kiện thuận lợi cho tôi hoàn thành luận văn này.

TP. Hồ Chí Minh, tháng 12/2006

Tác giả

Lê Thị Xuân Mai

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

BR - VT	Bà Rịa - Vũng Tàu
CBQL	Cán bộ quản lý
CĐSP	Cao đẳng sư phạm
CSVC	Cơ sở vật chất
ĐHSP	Đại học sư phạm
ĐVHT	Đơn vị học trình
GDCN	Giáo dục chuyên nghiệp
GD ĐC	Giáo dục đại cương
GD ĐH	Giáo dục đại học
GD-ĐT	Giáo dục và Đào tạo
GV	Giáo viên, giảng viên
KTCN	Kỹ thuật công nghiệp
KTNN	Kỹ thuật nông nghiệp
NCKH	Nghiên cứu khoa học
PPDH	Phương pháp dạy học
PPGD	Phương pháp giảng dạy
QLGD	Quản lý giáo dục
SGK	Sách giáo khoa
SV	Sinh viên, học sinh
THCS	Trung học cơ sở
THPT	Trung học phổ thông
TTSP	Thực tập sư phạm

MỞ ĐẦU

1. LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI

Chiến lược phát triển GD-ĐT đề ra mục tiêu cho giáo dục đại học là đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực trình độ cao phù hợp với cơ cấu kinh tế - xã hội của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nâng cao năng lực cạnh tranh và hợp tác bình đẳng trong quá trình hội nhập quốc tế. Đồng thời, đề ra nhiều giải pháp thực hiện, trong đó chú trọng tiến hành đổi mới mạnh mẽ chương trình đào tạo theo hướng đa dạng hóa, chuẩn hóa, hiện đại hóa, tạo điều kiện để mau chóng tiếp thu có chọn lọc những chương trình đào tạo của các nước phát triển, phù hợp với yêu cầu của đất nước, phục vụ thiết thực cho sự phát triển kinh tế - xã hội nói chung, của từng ngành, từng lĩnh vực, từng vùng, từng địa phương nói riêng, đặc biệt quan tâm đổi mới phương pháp đào tạo trong các trường sư phạm, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đổi mới phương pháp dạy và học ở các trường phổ thông.

Để thực hiện các giải pháp nêu trên, Thủ tướng Chính phủ đã ra quyết định số 47/2001/QĐ-TTg phê duyệt “Quy hoạch mạng lưới các trường ĐH, CĐ giai đoạn 2001-2010”, thành lập Dự án Phát triển giáo dục đại học (bằng vốn vay của Ngân hàng Thế giới-WB), Dự án Đào tạo giáo viên THCS (bằng vốn vay của Ngân hàng Phát triển Châu Á - ADB) vào năm 2001; Bộ GD-ĐT đã ban hành Chương trình khung đào tạo cao đẳng vào năm 2004 (kèm theo quyết định số 15/2004/QĐ-BGD&ĐT ngày 10/6/2004) và ngày 6/2/2006 Thủ tướng Chính phủ đã thành lập Ban chỉ đạo Đổi mới giáo dục đại học.

Ngay từ năm học 2003-2004, trường Cao đẳng sư phạm Bà Rịa -Vũng Tàu đã là một trong chín trường cao đẳng sư phạm của cả nước được Dự án Đào tạo giáo viên THCS, Bộ Giáo Dục - Đào Tạo chọn thực hiện thí điểm giáo trình cao đẳng mới ở tất cả các ngành học. Việc tổ chức đào tạo theo khung chương trình mới và giáo trình mới trong mấy năm qua đã mang lại những kết quả tích cực về chất lượng giảng dạy, học tập, đặc biệt là việc đổi mới phương pháp giảng dạy của giảng viên, phương pháp học tập, nghiên cứu của sinh viên. Tuy nhiên, việc thực hiện chương trình mới còn xuất hiện những khó

khăn, bất cập cả về nội dung, chương trình, giáo trình, hình thức, phương pháp tổ chức giảng dạy, học tập và công tác quản lý quá trình đào tạo.

Vì vậy, việc nghiên cứu đề tài “Một số biện pháp quản lý đào tạo theo giáo trình mới ở khoa Tự nhiên trường CĐSP Bà Rịa - Vũng Tàu” là thiết thực, nhằm góp phần vào việc nâng cao hiệu quả giảng dạy theo giáo trình mới, nâng cao chất lượng đào tạo ở trường CĐSP Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. MỤC ĐÍCH NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu một số biện pháp quản lý công tác đào tạo nhằm nâng cao hiệu quả đào tạo theo giáo trình mới ở khoa Tự nhiên trường CĐSP Bà Rịa - Vũng Tàu.

3. ĐỐI TƯỢNG VÀ KHÁCH THỂ NGHIÊN CỨU

3.1- Đối tượng nghiên cứu.

Biện pháp quản lý công tác đào tạo theo giáo trình mới ở khoa Tự nhiên trường CĐSP Bà Rịa-Vũng Tàu.

3.2- Khách thể nghiên cứu.

Công tác quản lý đào tạo theo giáo trình mới ở khoa Tự nhiên trường CĐSP Bà Rịa-Vũng Tàu.

4. GIẢ THUYẾT KHOA HỌC

Nếu áp dụng một cách tích cực các biện pháp quản lý công tác đào tạo như đổi mới phương pháp giảng dạy, phương pháp học tập và đổi mới công tác thi, kiểm tra thì hiệu quả đào tạo theo giáo trình mới ở khoa Tự nhiên trường CĐSP Bà Rịa - Vũng Tàu sẽ được cải thiện, đáp ứng được mục đích yêu cầu của đổi mới chương trình, giáo trình cao đẳng.

5. NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU

5.1- Làm rõ cơ sở lý luận của đề tài nghiên cứu như hoạt động đào tạo, quá trình đào tạo, quản lý đào tạo; các vấn đề về chương trình, giáo trình mới; quản lý công tác đào tạo theo giáo trình mới.

5.2- Tìm hiểu thực trạng công tác quản lý đào tạo theo giáo trình mới ở khoa Tự nhiên trường CĐSP Bà Rịa - Vũng Tàu.

5.3- Đề xuất và thử nghiệm một số biện pháp quản lý công tác đào tạo theo giáo trình mới ở khoa Tự nhiên trường CĐSP Bà Rịa - Vũng Tàu.

6. PHẠM VI NGHIÊN CỨU

Do điều kiện hạn chế về thời gian, chúng tôi chỉ tiến hành nghiên cứu công tác đào tạo theo giáo trình mới dưới góc nhìn của người quản lý chuyên môn cấp khoa ở các khâu sau:

- Việc thực hiện chương trình, giáo trình mới.
- Xây dựng kế hoạch đào tạo (giảng dạy, học tập, thực tập tốt nghiệp, thi kiểm tra) và tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo tại khoa.
- Việc đổi mới PPDH (phương pháp dạy, phương pháp học, phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên).
- Đánh giá giáo trình, chương trình mới.

Đối với sinh viên, chúng tôi chỉ nghiên cứu vấn đề này ở sinh viên năm I, năm II các ngành Toán, Lý-Hóa, Lý- KTCN, Hóa-sinh, Sinh-Hóa và Sinh-KTNN thuộc Khoa Tự nhiên.

Hiệu quả đào tạo theo giáo trình mới được giới hạn ở kết quả học tập, kết quả thực tập sư phạm (lần 1) và kết quả đánh giá của giảng viên, sinh viên qua cuộc khảo sát.

7. CÁC PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu, chúng tôi sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau đây :

7.1- Phương pháp nghiên cứu lý luận.

Đọc những tài liệu, sách báo có liên quan đến vấn đề nghiên cứu cả về mặt lý luận cũng như thực tiễn nhằm hình thành cơ sở lý luận của đề tài và thu thập kinh nghiệm cho việc thực hiện đề tài nghiên cứu.

7.2- Phương pháp phỏng vấn.

Phỏng vấn các đối tượng liên quan để thu thập thêm thông tin ngoài các phiếu khảo sát nhằm củng cố các kết luận rút ra từ thực trạng quản lý công tác đào tạo theo giáo trình mới ở khoa Tự nhiên trường CĐSP Bà Rịa -Vũng Tàu.

7.3- Phương pháp chuyên gia.

Lấy ý kiến chuyên gia thông qua các đợt tập huấn do Dự án Đào tạo giáo viên THCS, Bộ GD-ĐT tổ chức, đặc biệt là các chuyên gia viết giáo trình, chuyên gia quản lý việc thực hiện giáo trình mới, nhằm xây dựng các biện pháp mang tính khả thi của công tác tổ chức quản lý đào tạo theo giáo trình mới.

7.4- Phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi (anket).

Để có số liệu phục vụ cho đề tài nghiên cứu, chúng tôi thăm dò bằng phiếu hỏi ba đối tượng chính của trường CĐSP Bà Rịa-Vũng Tàu là cán bộ quản lý (trường/khoa/tổ bộ môn), giảng viên của khoa và một số giảng viên khác có tham gia giảng dạy tại khoa, sinh viên khoa Tự nhiên.

+ Phiếu khảo sát dành cho cán bộ quản lý.

Ngoài việc sử dụng và tham khảo kết quả của 107 câu hỏi khảo sát đánh giá thực hiện thí điểm chương trình và giáo trình đào tạo giáo viên THCS trình độ CĐSP (phiếu dành cho CBQL) của Dự án, chúng tôi còn dùng 15 câu hỏi khác để điều tra về các nội dung :

- Quản lý tổ chức đào tạo (phần quản lý hành chính): Câu 1, 2,3,4.
- Quản lý mục tiêu, nội dung, chương trình đào tạo, giáo trình mới: Câu 5, 12.
- Quản lý chất lượng đào tạo theo giáo trình mới (việc tạo điều kiện để đội ngũ giáo viên thực hiện tốt chương trình, giáo trình mới như tập huấn triển khai chương trình, giáo trình mới, tham quan học tập kinh nghiệm, hỗ trợ vật chất, thiết bị, phần mềm dạy học, NCKH; đổi mới phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, giảng dạy): Từ câu 6 đến câu 10.
- Đánh giá thực hiện chương trình, giáo trình mới: Câu 11.

Sau khi thu thập các thông tin, tiến hành nhập số liệu, tổng hợp, dùng phần mềm xử lý số liệu, có so sánh với kết quả khảo sát của Bộ GD-ĐT và của toàn trường để tìm hiểu thực trạng quản lý đào tạo theo giáo trình mới ở khoa.

Ngoài ra, có 3 câu hỏi (câu 13,14 và15) thăm dò các biện pháp nâng cao chất lượng công tác quản lý đào tạo theo giáo trình mới ở khoa.

+ Phiếu khảo sát dành cho giảng viên.

Đối với giảng viên, chúng tôi sử dụng 25 câu hỏi; ngoài ra còn tham khảo và dùng kết quả của 101 câu hỏi khảo sát của Dự án.

- Các câu hỏi khảo sát để đánh giá thực trạng về công tác quản lý các hoạt động dạy - học ở khoa gồm các câu 1, 2, 3 và câu 4.
- Các câu hỏi khảo sát về quản lý nội dung, chương trình, giáo trình : Từ câu 5 đến câu 8.
- Các câu hỏi được sử dụng cho việc đánh giá quản lý chất lượng đào tạo theo chương trình, giáo trình mới gồm các câu từ câu 9 đến câu 21.
- Khảo sát, đánh giá chất lượng và kết quả thực hiện giáo trình mới có các câu 22, 23, 24 và câu 25.

Các câu hỏi này được nhập số liệu, tổng hợp, dùng phần mềm xử lý số liệu, có so sánh với kết quả khảo sát của Bộ GD-ĐT và của toàn trường để tìm hiểu thực trạng quản lý đào tạo theo giáo trình mới ở khoa.

+ Phiếu khảo sát dành cho sinh viên.

Hệ thống câu hỏi cho sinh viên gồm 15 câu, không kể 198 câu hỏi tham khảo khác của Dự án khảo sát.

- Thông qua câu hỏi (câu 13) để có thêm thông tin nhằm đánh giá việc quản lý nề nếp dạy và học.
- Để có thêm kênh thông tin đánh giá về việc quản lý nội dung, giáo trình, chương trình, chúng tôi sử dụng các câu 1, 2, 3, 4, 11, 12 và câu 14.
- Câu hỏi để đánh giá chất lượng đào tạo: Từ câu 6 đến câu 10.
- Câu hỏi thăm dò nhận xét, đánh giá giáo trình, chương trình là các câu 15 và câu 16.

Ngoài việc sử dụng các câu hỏi thăm dò trực tiếp các đối tượng liên quan trong khoa Tự nhiên, đề tài còn sử dụng kết quả khảo sát của Dự án với hàng trăm câu hỏi cho 3 đối tượng. Đối với cán bộ quản lý có 55 câu về nhận xét chương trình, 48 câu nhận xét về giáo trình; tương ứng các loại câu hỏi này cho GV là 50 và 48 câu; với SV là 32 và 28 câu. Riêng đối với SV, ngoài các loại câu hỏi nêu trên còn có 91 câu hỏi đánh giá khóa học (tình hình học tập và giảng dạy).

7.5- Phương pháp thống kê toán học.

Thông qua các số liệu thu thập được bằng phiếu hỏi để phân tích, xử lý bằng phương pháp thống kê toán học nhằm đảm bảo độ tin cậy của các kết luận liên quan.

Để xử lý số liệu điều tra, chúng tôi sử dụng phần mềm SPSS 13.0 (Statistical Package of Social Studies), chủ yếu ở các thủ tục Frequencise (tần số), thủ tục Crosstabs (bảng 2 chiều), thủ tục Mean (trung bình), thủ tục Descriptive (mô tả) để cung cấp các thống kê, đo đạc các mối quan hệ, tính tổng trung bình và tính toán các trị số được chuẩn hóa (z-score) như trị số lớn nhất, nhỏ nhất, độ lệch chuẩn, phương sai, sai số của trung bình,...và các đồ thị.

- Các số liệu được đưa vào xử lý gồm:

- Các số liệu khảo sát ở khoa Tự nhiên của 34 giảng viên, 296 sinh viên các ngành học, khóa học của Khoa.
- Các số liệu khảo sát ở trường của 12 cán bộ quản lý, 32 giảng viên, 212 sinh viên toàn trường có tham gia học tập theo giáo trình mới.
- Các số liệu khảo sát của 9 trường cao đẳng tham gia thí điểm gồm CĐSP Hà Nội, TP.Hồ Chí Minh, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Ninh Thuận, Cần Thơ, Đồng Tháp, Huế và Bà Rịa-Vũng Tàu với 101 cán bộ quản lý, 244 giảng viên và 1502 sinh viên với mục đích so sánh với các kết quả khảo sát ở khoa, ở trường.

7.6- Phương pháp thực nghiệm.

Do hạn chế về thời gian, chúng tôi chỉ thử nghiệm một biện pháp trong nhóm các biện pháp đã đề xuất để xác định tính khả thi và hiệu quả của nó khi thực hiện đào tạo theo giáo trình mới.

8. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU

Để hoàn thành đề tài này, chúng tôi đã thực hiện theo đúng kế hoạch đã đề ra.

- Từ tháng 3 đến tháng 4/2006: Hoàn chỉnh và bảo vệ đề cương.
- Từ tháng 4 đến tháng 11/2006: Thu thập tài liệu, thăm dò ý kiến, thử nghiệm một số biện pháp dự kiến đề xuất, xử lý số liệu liên quan.

- Từ tháng 11/2006 đến tháng 1/2007: Dự thảo báo cáo luận văn, điều chỉnh, sửa chữa luận văn.

9. CẤU TRÚC CỦA LUẬN VĂN

Ngoài phần mở đầu nêu những vấn đề chung, phần kết luận và kiến nghị, danh mục các tài liệu tham khảo, phần nội dung của luận văn gồm 3 chương:

- Chương 1: Cơ sở lý luận của vấn đề nghiên cứu.
- Chương 2: Thực trạng công tác quản lý đào tạo theo giáo trình mới ở khoa Tự nhiên, trường CDSP Bà Rịa -Vũng Tàu.
- Chương 3: Một số biện pháp quản lý nhằm nâng cao hiệu quả đào tạo theo giáo trình mới ở khoa Tự nhiên, trường CDSP Bà Rịa -Vũng Tàu.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN

1.1. Lịch sử nghiên cứu vấn đề

Nghiên cứu về GDĐH rất quan trọng, vì nếu giáo dục phổ thông là cốt lõi, là nền tảng của hệ thống giáo dục quốc dân, thì GDĐH là động lực và phương tiện để phát triển kinh tế - xã hội.

Với cách nhìn mới về nghiên cứu phát triển GDĐH Việt Nam, có 13 vấn đề cần nghiên cứu, từ đổi mới mục tiêu, xác định lại sứ mệnh và cơ cấu GDĐH, đến hệ thống thang bậc chất lượng, cơ chế quản lý, đặc biệt vấn đề đổi mới về nội dung, chương trình đào tạo nhằm chuyển đổi nền GDĐH nặng tính hành chính khoa bảng sang nền GDĐH chất lượng [GS.TSKH Vũ Ngọc Hải - Viện Chiến lược và Chương trình giáo dục].

Đề cập đến đề tài nghiên cứu về công tác quản lý đào tạo, quản lý giảng dạy, trong những năm gần đây đã có một số luận văn thạc sỹ quan tâm như tác giả Lê Văn Việt nghiên cứu “Thực trạng công tác quản lý đào tạo tại khoa Ngoại ngữ trường CĐSP TP Hồ Chí Minh”; tác giả Phạm Thị Đoan Trang nghiên cứu “Thực trạng công tác quản lý việc giảng dạy Giáo dục học ở trường CĐSP thành phố Hồ Chí Minh và một số biện pháp nâng cao hiệu quả giảng dạy”; tác giả Trương Văn Ân nghiên cứu đề tài “Thực trạng công tác quản lý việc giảng dạy Tin học ở các khoa không chuyên trường CĐSP Bình Dương và một số giải pháp”; đề tài “Thực trạng và một số giải pháp tổ chức và quản lý đào tạo trong trường đại học dân lập” của Nguyễn Cao Đạt, ĐH dân lập Cửu Long và một số tác giả khác. Các đề tài nêu trên tập trung nghiên cứu nhiều các vấn đề quản lý giảng dạy, quản lý đào tạo và đề xuất một số giải pháp nâng cao chất lượng và hiệu quả giảng dạy góp phần vào nâng cao chất lượng đào tạo nói chung, tuy nhiên các đề tài chưa tập trung đề cập đến các vấn đề quản lý đào tạo thuộc trách nhiệm của đơn vị khoa.

Một số tác giả nghiên cứu về các vấn đề liên quan đến công tác đào tạo cho rằng nội dung của chương trình đào tạo bao gồm mục tiêu, nội dung, yêu cầu đào tạo; phân bố thời lượng của các môn học; kế hoạch thực hiện chương trình; phương pháp đào tạo; cách

thức kiểm tra, đánh giá. Đánh giá chương trình đào tạo trong quy trình phát triển phải bao gồm đầy đủ các nội dung trên mới phản ánh được một cách toàn diện [PGS.TS Nguyễn Đức Ngọc- ĐHQG Hà Nội].

Về công tác quản lý cấp khoa của các trường ĐH, CĐ nói chung, trên cơ sở Điều lệ trường ĐH, CĐ, chức năng quản lý khoa trong trường ĐH, CĐ bao gồm công tác kế hoạch hóa hoạt động GD-ĐT (thực hiện nhiệm vụ năm học, biên chế năm học,...); tổ chức (triển khai các hoạt động chuyên môn,..); chỉ đạo, điều hành (việc thực hiện chương trình, quy trình đào tạo/dạy học,...); kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch và các hoạt động chuyên môn của cán bộ khoa [TS. Đặng Xuân Hải - ĐHQG Hà Nội].

Các vấn đề nêu trên và nhiều vấn đề riêng lẻ khác đã được nhiều tác giả, nhiều nhà khoa học đề cập đến. Tuy nhiên các đề tài nghiên cứu toàn diện về thực trạng và giải pháp của công tác tổ chức và quản lý đào tạo đang còn ít, nhất là đối với trường CĐSP.

Nhiều tác giả đã nghiên cứu về nội dung đổi mới chương trình (CĐ) ở từng bộ môn và nhiều đề tài nghiên cứu việc gắn kết giữa chương trình đào tạo cao đẳng với chương trình thay sách giáo khoa phổ thông trong mấy năm gần đây. Đa số các đề tài ở dạng các sáng kiến, các báo cáo khoa học, hoặc đề tài cấp khoa, cấp trường.

Tại trường CĐSP và trên địa bàn tỉnh BR-VT, ngoài các báo cáo khoa học tập trung vào đổi mới PPDH, các báo cáo góp ý về giáo trình CĐSP mới (giáo trình thí điểm) của từng học phần, cho đến nay, chưa có đề tài hoặc tác giả nào nghiên cứu sâu về vấn đề quản lý đào tạo tại khoa Tự nhiên nói riêng và trường CĐSP nói chung.

Với quan điểm khoa là đơn vị trực tiếp tổ chức thực hiện quá trình đào tạo, có vai trò quyết định trong việc đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo thì việc nghiên cứu và đề ra các giải pháp quản lý đào tạo cấp khoa là cần thiết và mang tính khả thi, nhất là đối với trường CĐSP Bà Rịa-Vũng Tàu.

1.2. Lý luận về công tác đào tạo và quản lý công tác đào tạo

1.2.1. Hoạt động đào tạo.

+ Đào tạo (training) - theo nghĩa thông thường là làm cho trở thành người có năng lực theo những tiêu chuẩn nhất định [37].

+ Đào tạo là quá trình tác động đến con người nhằm làm cho con người đó lĩnh hội và nắm vững những tri thức, kỹ năng, kỹ xảo một cách có hệ thống; chuẩn bị cho người đó thích nghi với cuộc sống và khả năng nhận một sự phân công lao động nhất định, góp phần của mình vào việc phát triển xã hội, duy trì và phát triển nền văn minh của loài người. Về cơ bản, đào tạo là hoạt động giảng dạy và học tập trong nhà trường, gắn với việc giáo dục đạo đức, nhân cách. Kết quả và trình độ được đào tạo (gọi là trình độ học vấn) của một con người còn do việc tự đào tạo của người đó thể hiện ra việc tự học và tham gia các hoạt động xã hội, lao động sản xuất, tự rút kinh nghiệm của người đó quyết định. Chỉ khi nào đào tạo biến thành tự đào tạo một cách tích cực, tự giác thì việc đào tạo mới có hiệu quả cao. Tùy theo tính chất chuẩn bị cho cuộc sống và cho lao động, người ta phân biệt đào tạo chuyên môn và đào tạo nghề nghiệp. Hai loại này gắn bó và hỗ trợ cho nhau với những nội dung do các đòi hỏi của sản xuất, của các quan hệ xã hội, của tình trạng khoa học, kỹ thuật và văn hóa của đất nước. Khái niệm giáo dục nhiều khi bao hàm cả khái niệm đào tạo.

+ Các hình thức đào tạo.

Luật Giáo dục quy định có hai hình thức (phương thức) đào tạo cơ bản đó là đào tạo chính quy và đào tạo không chính quy. Mỗi hình thức đào tạo có đào tạo tập trung và không tập trung. Ngoài ra có nhiều dạng đào tạo khác như đào tạo cấp tốc, đào tạo chuyên sâu, đào tạo lại, đào tạo cơ bản, đào tạo ngắn hạn, đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn...

Ngày nay có loại hình đào tạo mới đang được tiến hành ở một số cơ sở đào tạo và dự báo sẽ được áp dụng rộng rãi trong những năm tới đó là E-learning.

Có nhiều quan niệm và định nghĩa khác nhau về E-learning như là sử dụng các công nghệ Web và Internet trong học tập; là học tập được truyền tải hoặc hỗ trợ qua công nghệ thông tin, truyền thông hoặc công nghệ và phương tiện điện tử, v.v, nhưng nhìn chung E-learning có những đặc điểm chung như dựa vào công nghệ thông tin và truyền

thông, cụ thể là công nghệ mạng, kỹ thuật đồ họa, mô phỏng, tính toán; hiệu quả của E - learning cao hơn cách học truyền thống do nó có tương tác cao dựa trên multimedia, tạo điều kiện cho người học trao đổi thông tin dễ dàng hơn, cũng như đưa ra nội dung học tập phù hợp với khả năng và sở thích từng người và đây là xu thế tất yếu trong nền kinh tế tri thức.

Thực chất đây là phương pháp dạy học mới, từ E - learning đến “đại học số hóa”. Phương pháp dạy học này có thể làm biến đổi cách học và vai trò người học; có thể học mọi lúc, mọi nơi với sự tự do lựa chọn nội dung cho phù hợp; cho phép SV tra cứu trực tuyến những kiến thức có liên quan đến bài học một cách tức thời, kiểm tra lại bài học một cách nhanh chóng, trao đổi với giáo viên và những người cùng học ngay trong quá trình học. Tuy không hoàn toàn thay thế được phương thức đào tạo truyền thống, nhưng E-learning cho phép giải quyết được một vấn đề bất cập hiện nay là nhu cầu đào tạo của người học tăng lên quá tải so với khả năng của các cơ sở đào tạo.

Đào tạo sư phạm là công tác nghiệp vụ của các trường sư phạm nhằm đào tạo về nghề dạy học cho giáo sinh. Nội dung đào tạo sư phạm thường có lý luận chung về khoa học giáo dục, tâm lý học lứa tuổi, tâm lý học sư phạm, giảng dạy và nghệ thuật sư phạm, lý luận giáo dục chuyên ngành và bộ môn, nhân cách người giáo viên và những kỹ năng, kỹ xảo sư phạm chung và riêng biệt. Ở Việt Nam, đào tạo sư phạm được coi là chức năng đặc thù của trường sư phạm. Chỉ khi nào quá trình đào tạo sư phạm biến thành quá trình tự đào tạo một cách tích cực, tự giác thì giáo sinh sau này mới trở thành nhà giáo giỏi.

Những năng lực cơ bản của người giáo viên được hình thành qua đào tạo tại các trường cao đẳng sư phạm là:

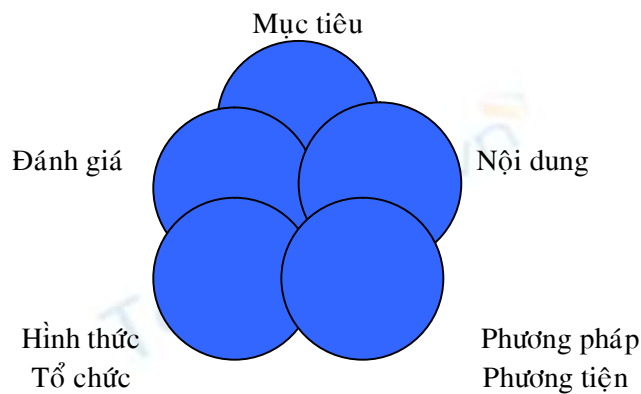
- Năng lực chẩn đoán nhu cầu và đặc điểm đối tượng giáo dục.
- Năng lực tư vấn cho học sinh tự thiết kế kế hoạch học tập phù hợp với nhu cầu, khả năng và hoàn cảnh của mình.
- Năng lực thiết kế và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục, đặc biệt là đổi mới phương pháp dạy học.
- Năng lực giám sát, đánh giá kết quả hoạt động giáo dục.

1.2.2. Quá trình đào tạo.

1.2.2.1. Khái niệm

+ Quá trình đào tạo, mà thực chất là quá trình giáo dục-đào tạo được quy định cho các cấp học và trình độ đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; tùy thuộc vào mục tiêu, chương trình của từng cấp học để thể hiện nội dung giáo dục hay đào tạo.

+ Các thành tố của quá trình đào tạo gồm mục tiêu đào tạo, nội dung đào tạo, hình thức tổ chức, phương pháp, phương tiện và đánh giá.

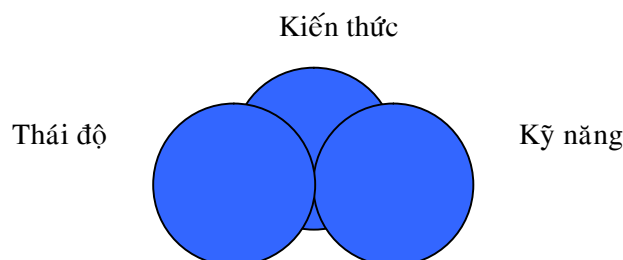


Sơ đồ 1.1. Các thành tố của quá trình đào tạo

1.2.2.2. Mục tiêu đào tạo

Mục tiêu đào tạo là mô tả hình mẫu con người mà nhà trường sẽ đào tạo ra; là người có phẩm chất, đạo đức, ý thức phục vụ nhân dân, có kiến thức và năng lực thực hành nghề nghiệp tương xứng với trình độ được đào tạo, có sức khỏe, đáp ứng được yêu cầu xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

Cấu trúc của mục tiêu đào tạo bao gồm hệ thống các mức độ kiến thức, kỹ năng và thái độ.



Sơ đồ 1.2. Cấu trúc mục tiêu đào tạo

Mục tiêu có nhiều cấp độ khác nhau, mục tiêu cấp dưới nhằm đạt mục tiêu cấp trên, là phương tiện (hay giải pháp) để đạt mục tiêu cấp trên, cụ thể là:

- Mục tiêu tổng quát (cho toàn bộ hệ thống giáo dục quốc dân) về các yếu tố xã hội như dân trí, nhân lực, nhân tài; về yếu tố con người như lý tưởng, sự phát triển toàn diện.

- Mục tiêu các cấp học, bậc học, trình độ đào tạo như mục tiêu về giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông (nhằm xã hội hóa con người); giáo dục nghề nghiệp và đại học (nhằm nghề nghiệp hóa con người).

- Mục tiêu ngành, chuyên ngành như kinh tế, văn hóa, nghệ thuật, kỹ thuật, chính trị,...

- Mục tiêu môn học như Vật lý, Toán, Công nghệ,...

- Mục tiêu bài học bao gồm cả mục tiêu các phần, các chương như Cơ học, Nhiệt học,...

Tất cả các cấp độ mục tiêu tạo thành cây mục tiêu.

Mục tiêu đào tạo trình độ cao đẳng giúp sinh viên nắm vững kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành cơ bản để giải quyết những vấn đề thông thường thuộc chuyên ngành được đào tạo [25, điều 39].

1.2.2.3. Nội dung đào tạo

Nội dung đào tạo là tập hợp có hệ thống các tri thức về văn hóa - xã hội khoa học - công nghệ; các kỹ năng lao động chung và chuyên biệt; các chuẩn mực thái độ - nhân cách cần tích lũy ở người học nhằm hình thành những phẩm chất và năng lực nghề nghiệp phù hợp với mục tiêu đào tạo một ngành nghề cụ thể.

- Các mức độ kiến thức (theo B.Bloom) từ thấp đến cao: biết - hiểu - áp dụng - phân tích - tổng hợp - đánh giá.

- Các mức độ kỹ năng: bắt chước - tự thao tác - chuẩn hóa - phối hợp - tự động hóa; nội dung giáo dục kỹ năng bao gồm giáo dục kỹ năng giao tiếp/ứng xử/quan hệ, kỹ năng diễn đạt, lao động nghề nghiệp, kỹ năng tìm kiếm, thu thập và xử lý thông tin, kỹ năng thích ứng với xã hội, với nghề nghiệp, với cuộc sống.

- Các mức độ về thái độ: chấp nhận - đáp ứng - vững tin - tham gia - tính cách hóa.

Yêu cầu của nội dung đào tạo là đảm bảo tính hiện đại và phát triển; bảo đảm cơ cấu hợp lý giữa kiến thức cơ bản, ngoại ngữ và công nghệ thông tin với kiến thức chuyên môn và các bộ môn khoa học Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh; kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp, bản sắc văn hóa dân tộc; tương ứng trình độ chung của khu vực và thế giới.

Nội dung đào tạo ở trình độ cao đẳng phải đảm bảo cho sinh viên có những kiến thức khoa học cơ bản và năng lực thực hiện công tác chuyên môn.

1.2.2.4. Phương pháp đào tạo

+ Một số khái niệm cơ bản.

- Phương pháp là ý thức về hình thức sự tự vận động bên trong của nội dung (Hegel).
- Phương pháp đào tạo là cách thức tổ chức khoa học quá trình đào tạo.
- Phương pháp dạy - học là cách tương tác giữa người dạy và người học nhằm chuyển tải nội dung dạy học.

+ Có nhiều phương pháp dạy - học như thuyết trình, phát vấn, thảo luận, chương trình hóa, đóng vai, trực quan, giải quyết vấn đề, ...Tùy theo các yếu tố liên quan để phân loại các phương pháp dạy-học, chẳng hạn theo quá trình có các loại phương pháp trên lớp, ngoài lớp, tự học,...; theo vai trò các nhân vật có các loại phương pháp dạy học chủ động, thụ động,... ; theo biểu hiện bên ngoài có các loại phương pháp dạy học thuyết trình, thảo luận,...và theo biểu hiện bên trong có các loại phương pháp dạy học phân tích, tổng hợp, suy diễn, quy nạp,...

+ Có các phương pháp học tập cơ bản như quan sát, nghe hiểu, đóng vai, luyện tập, thảo luận, đọc hiểu. Mức độ từ dễ đến khó của các phương pháp học tập được mô tả theo thứ tự đọc – nghe – nhìn – nghe và nhìn – thực hành – ứng dụng và phát triển.

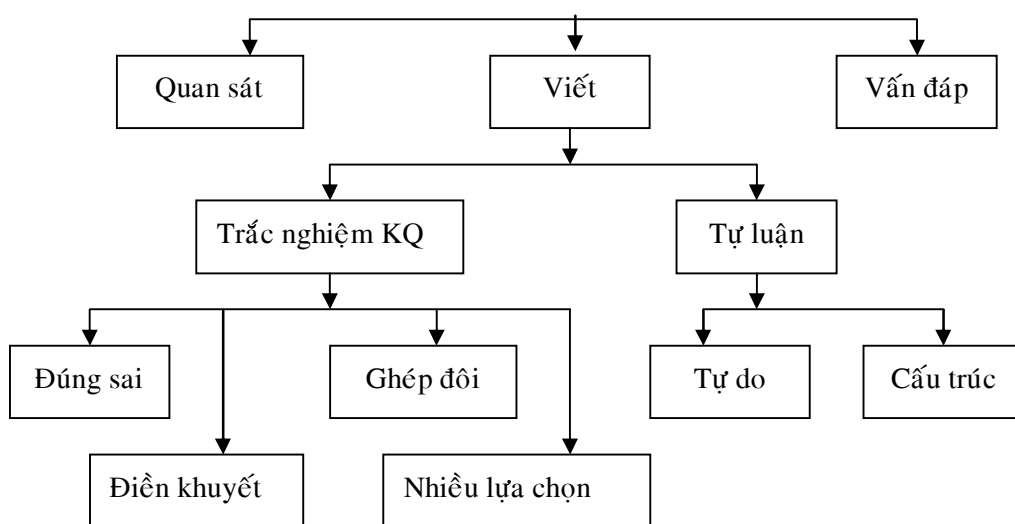
Phương pháp đào tạo trình độ cao đẳng phải coi trọng việc bồi dưỡng ý thức tự giác trong học tập, năng lực tự học, tự nghiên cứu, phát triển tư duy sáng tạo, rèn luyện kỹ năng thực hành, tạo điều kiện cho người học tham gia nghiên cứu, thực nghiệm, ứng dụng [25, điều 40].

2.2.5. Kiểm tra, đánh giá trong quá trình đào tạo

Kiểm tra, đánh giá trong đào tạo nhằm xác định mức độ đáp ứng mục tiêu đào tạo đề ra, bao gồm kết quả đào tạo và chất lượng đào tạo. Đối tượng của kiểm tra, đánh giá là người học, người dạy, nhà quản lý và cơ sở đào tạo (nhà trường), đối tượng đánh giá trong dạy-học là kiến thức, kỹ năng, thái độ của người học; nội dung, hình thức, quy trình, thời gian kiểm tra, đánh giá được thể hiện ngay trong chương trình đào tạo.

Đánh giá là đưa ra những nhận định, xét đoán về kết quả công việc, dựa vào phân tích những bằng chứng thu được, đối chiếu với mục tiêu, tiêu chuẩn đã đề ra, để đi tới những kết luận thích hợp nhằm điều chỉnh công việc, cải thiện thực trạng, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động [23].

Các hình thức kiểm tra – đánh giá trong giáo dục - đào tạo nói chung hiện nay thể hiện ở sơ đồ 1.3. Thực chất đây là các hình thức kiểm tra - đánh giá tương ứng với các kiểu đề thi có quy định trong chương trình đào tạo để đánh giá kết quả học tập của SV ở từng môn học.



Sơ đồ 1.3. Các hình thức thi, kiểm tra đánh giá hiện nay.

Trong đó có hai hình thức kiểm tra - đánh giá thường dùng nhất là tự luận và trắc nghiệm khách quan.

1.2.2.6. Tổ chức đào tạo

+ Tổ chức là làm những gì cần thiết để tiến hành một hoạt động nào đó nhằm có được hiệu quả tốt nhất [37].

- + Tổ chức đào tạo là sự tác động của nhà quản lý lãnh đạo vào các nội dung của quá trình đào tạo để đem lại hiệu quả cao.
- + Tổ chức đào tạo là áp dụng hệ thống các biện pháp để sử dụng tới mức tối đa toàn bộ nguồn nhân lực, vật lực, tài lực trong nhà trường (cơ sở đào tạo) nhằm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ và mục đích đào tạo đã đề ra một cách tốt nhất.
- + Tổ chức đào tạo huy động nhiều hình thức tổ chức dạy - học như dạy học trên lớp, ở phòng thí nghiệm, thư viện, các cơ sở thực hành, thực tập, tự học, tự nghiên cứu, tham quan, hoạt động tập thể, hoạt động đoàn thể, hoạt động xã hội; tổ chức thực hiện nề nếp giảng dạy, học tập; các hoạt động chuyên môn, nghiên cứu khoa học; công tác tổ chức thi, quản lý chất lượng dạy - học; đánh giá kết quả đào tạo và công nhận tốt nghiệp.
- + Tổ chức đào tạo phải hướng tới mục tiêu đào tạo đã đề ra; xuất phát từ nhiệm vụ, mục tiêu đào tạo; căn cứ vào các điều kiện đảm bảo cho quá trình đào tạo như nhân lực (đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý), vật lực (CSVC, trang thiết bị dạy học) và tài lực (tài chính, ngân sách).
- + Tổ chức đào tạo một cách khoa học, mang lại hiệu quả đào tạo cao là tìm ra được phương án tối ưu của hệ thống các hoạt động đào tạo trên cơ sở giải quyết tổng hợp, đồng bộ các nhiệm vụ, mục tiêu đào tạo và các vấn đề liên quan khác.

Tổ chức quá trình đào tạo thông thường được các cơ sở đào tạo thực hiện qua các khâu sau đây.

a. Tuyển sinh.

Tuyển sinh là xác lập đầu vào của quá trình đào tạo. Tuyển sinh bằng nhiều hình thức như thi tuyển, xét tuyển, ghi danh, cử tuyển,...nhằm tuyển chọn sinh viên đáp ứng yêu cầu, kế hoạch đào tạo của các cơ sở đào tạo (trường ĐH, CĐ, THCN, các Viện). Đây là các hình thức phổ biến trên thế giới. Tuy nhiên, đối với chúng ta hiện nay, khi hệ thống các cơ sở đào tạo chưa đáp ứng được nhu cầu của người học, “cung” chưa đáp ứng “cầu” thì công tác tuyển sinh đầu vào hết sức quan trọng, nhằm tuyển lựa đúng yêu cầu về mặt bằng trình độ (ban đầu), tuyển đúng chỉ tiêu kế hoạch và chủ yếu là thực hiện hình thức thi tuyển hoặc xét tuyển (theo cơ chế ba chung) trong vài ba năm gần đây;

đồng thời có thể phải thực hiện trong một thời gian dài, mặc dù Bộ GD-ĐT có chủ trương giảm bớt một kỳ thi (tốt nghiệp và tuyển sinh) vào năm 2008.

Sau khi tuyển sinh, sinh viên được sắp xếp vào học các chương trình theo ngành đã đăng ký hoặc theo chương trình tự chọn của sinh viên sau khi kết thúc phần học chung bắt buộc (thông thường dùng cho các trường ĐH, CĐ thực hiện phương án xét tuyển theo nhóm chương trình trong kỳ thi tuyển sinh đầu khóa).

b. Lập kế hoạch và thời gian đào tạo.

Đây là khâu quan trọng của công tác tổ chức đào tạo. Thông thường các trường tổ chức đào tạo theo khóa học hoặc năm học. Nội dung lập kế hoạch và thời gian đào tạo thường được thể hiện ở các vấn đề sau:

- Kế hoạch đào tạo toàn khóa 3 năm (đối với cao đẳng), phân theo 6 học kỳ; phân bổ khối lượng kiến thức quy định cho các chương trình; nội dung và kế hoạch học tập các chương trình; quy chế đào tạo; nghĩa vụ và quyền lợi của sinh viên.
- Kế hoạch năm học (hay thường gọi là biên chế năm học) bao gồm lịch trình học của từng chương trình trong từng học kỳ; danh sách các học phần bắt buộc và tự chọn, đề cương chi tiết học phần và điều kiện để được đăng ký học cho từng học phần, lịch ôn tập, thi, kiểm tra, hình thức thi và kiểm tra các học phần; các hoạt động đào tạo khác như thời gian thực hành, thực tập, nghỉ học kỳ, nghỉ hè.

c. Tổ chức các hoạt động giảng dạy và học tập.

Để thực hiện kế hoạch năm học, kế hoạch toàn khóa, trọng tâm là tổ chức các hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu thông thường bằng các nội dung sau đây:

- Phân công giảng dạy: Căn cứ vào chương trình để phân công, bố trí giảng viên đảm nhận nhiệm vụ giảng dạy, thực hành và các hoạt động khác phù hợp với chuyên môn, khả năng của giảng viên, đảm bảo tiêu chuẩn và chất lượng, hiệu quả công tác.
- Bố trí sắp xếp thời khóa biểu, phòng học, các cơ sở thực hành, thực tập tương ứng với nội dung chương trình.